

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 14/7/2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Đồng.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lương Thị Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Phan Thanh L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

**Đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T:**

- Bà Hà Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] *Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn - anh Phan Thanh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh L và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn tại số: 45/2014, quyển số 01/2014 tại UBND thị trấn LT, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Do từ khi về chung sống với nhau thì chị T bị bệnh gì mà cứ la hét, anh L có đến nhà cha mẹ của chị T để hỏi chị T bị bệnh gì để anh L dẫn chị T đi điều trị nhưng gia đình chị T cho rằng: Do chị T ngang bướng nên chị T mới có tính tình

như vậy. Mặc dù, anh L cùng chị T đã đi điều trị nhưng chị T vẫn không hết bệnh. Sau khi có thai chị T sinh con rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị T ở thôn 6, xã M sống cho đến nay. Thời gian này anh L có đến thăm chị T và xin cha mẹ của chị T đưa chị T về nhà nhưng cha mẹ của chị T không cho. Từ năm 2015 cho đến nay, anh L và chị T đã sống ly thân với nhau. Các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, anh L không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị T có 01 người con chung tên là Phan Nguyễn Phước K, sinh ngày 20/01/2015. Nếu ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Thanh L không yêu cầu giải quyết.

*Do bị đơn chị Nguyễn Thị T thuộc đối tượng người bị khuyết tật nặng (có dấu hiệu bị bệnh tâm thần) nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị T theo quy định. Tòa án đã lấy lời khai của bà Hà Thị L (mẹ ruột của chị T)*

*[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T - Bà Hà Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh L và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2014 tại UBND thị trấn L. Sau khi kết hôn thì chị T về chung sống cùng gia đình của anh L tại khu phố L, thị trấn LT, huyện T. Sau đó xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì gia đình bà L không biết. Đến năm 2014 chị T không thể tiếp tục chung sống cùng với gia đình nhà anh L nên về nhà bà L sống cho đến nay. Thời gian này, chị T bị vấn đề tâm lý ảnh hưởng đến thần kinh nên không thể tự chăm sóc được cho bản thân. Gia đình bà L phải chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom mẹ con của chị T. Thời gian chị T ở bà L thì anh L cũng như gia đình của anh L không đến thăm nom, chăm sóc chị T và con chung của hai người. Hiện nay anh L làm đơn xin ly hôn đối với chị T thì bà L không chấp nhận mà bà L yêu cầu anh L phải có trách nhiệm đối với chị T trong thời gian này.

Về con chung: Anh L và chị T có 01 người con chung tên là Phan Nguyễn Phước K, sinh ngày 20/01/2015. Nếu anh L và chị T ly hôn thì bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị L không yêu cầu giải quyết.

*[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- Tài liệu chứng cứ anh Phan Thanh L cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản phô tô); 01 giấy khai sinh (bản sao) ; 01 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (phô tô);

- Chị Nguyễn Thị T, bà Hà Thị L không cung cấp chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh L, chị T.

*[4]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh L yêu cầu giải quyết ly hôn. Đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T bà Hà Thị L không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con Phan Nguyễn Phước K, sinh năm 2015 cho đến khi thành niên. Đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T - Bà Hà Thị L không đồng ý giao con cho anh L được quyền nuôi dưỡng mà có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

*[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất:*

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: chấp nhận cho anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Phước K, sinh ngày 20/01/2015 cho anh L được nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

Về án phí: Anh Phan Thanh L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T là bà Hà Thị L hai lần hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý

do. Nguyên đơn – Anh Phan Thanh L đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T; Đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T bà Hà Thị L và nguyên đơn anh Phan Thanh L. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T bà Hà Thị L; anh Phan Thanh L là phù hợp.

*[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Nguyên đơn - anh Phan Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

*[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh L:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Thanh L và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT vào năm 2014 tại giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014; quyền số 01/2014, ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn, do chị T bị bệnh nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Thời gian này, mặc dù chị T đang bị bệnh nhưng anh L vẫn không có sự quan tâm, chăm sóc chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Hà Thị L (mẹ ruột của chị Nguyễn Thị T) cho rằng: Thời gian này, chị T rất cần sự chăm sóc của anh L nên không đồng ý cho anh L và chị T ly hôn. Tại biên bản xác minh, ngày 12/5/2021 đại diện Hội phụ nữ xã M cho rằng: Tình trạng hiện nay của chị T đang rất cần người chăm sóc, quan tâm, chia sẻ. Cho nên, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, nhằm tạo điều kiện để anh L chăm sóc chị T trong thời gian điều trị bệnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị T có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nên Tòa án không thể hòa giải đoàn tụ theo trình tự thủ tục quy định. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành tác động anh L quay về chung sống để có điều kiện chăm sóc chị T. Thế nhưng, anh L vẫn không chấp nhận tiếp tục chung sống lại với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đều xác định không còn tình cảm với chị T nên không thể tiếp tục chung sống với chị T. Thời gian này, chị T đang bị bệnh nhưng anh L vẫn không quan tâm, chăm sóc.

Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2021 xác định: Chị T và anh L chung sống không có hạnh phúc. Thời gian chị T bị bệnh anh L không có sự quan tâm chăm sóc chị T.

Như vậy, trong thời gian chị T bị bệnh rất cần sự chăm sóc của anh L; thế nhưng anh L không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ gì; mà những công việc chăm sóc chị T đều do gia đình chị T thực hiện. Mặc dù, chị T đang bị bệnh, nhưng anh L vẫn không mong muốn tiếp tục chung sống với chị T và cũng không muốn chăm sóc chị T trong thời gian điều trị bệnh. Điều đó chứng tỏ anh L đã không còn tình nghĩa vợ chồng với chị T; vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần chấp

nhận cho anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do chị T đang bị bệnh nên không làm nghề gì để có thu nhập. Tất cả những chi phí sinh hoạt của chị T đều do gia đình chị T chi trả. Điều kiện gia đình chị T rất khó khăn. Mặc dù, chị T đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội đối với đối tượng người khuyết tật nặng với số tiền là 405.000đ/tháng. Tuy nhiên, số tiền mà chị T được trợ cấp không đủ chi phí trong sinh hoạt hàng ngày và điều trị bệnh. Do đó, cần buộc anh Phan Thanh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị T với số tiền là 1.500.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị T bị bệnh tâm thần đang trong thời gian điều trị. Thời gian này, tình trạng sức khỏe của chị T tốt hơn trước đây, nhưng tinh thần không ổn định. Khi sức khỏe bình thường chưa lên cơn bệnh thì chị T sinh hoạt bình thường. Những công việc chăm sóc bản thân hàng ngày chị T đều tự mình thực hiện được. Chị T đang sống cùng cha mẹ ruột. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cử người chăm sóc, nuôi dưỡng chị T trong thời gian điều trị bệnh.

[4] *Về con chung*: Anh Phan Thanh L và chị Nguyễn Thị T có một người con chung tên là Phan Nguyễn Phước K, sinh năm 2015. Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên. Bà Hà Thị L là người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, cháu Phan Nguyễn Phước K đang sống với chị T. Thế nhưng, do chị T đang bị bệnh nên việc chăm sóc con đều do gia đình chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị T không có nghề nghiệp mà đang hưởng trợ cấp xã hội thuộc đối tượng “Người khuyết tật nặng”. Do đó, nếu giao cháu Phan Nguyễn Phước K cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển của cháu K. Cho nên, cần giao cháu Phan Nguyễn Phước K cho anh L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Anh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Cần buộc chị anh Phan Thanh L phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

### Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; điều 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

*1. Về hôn nhân:* Anh Phan Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Anh Phan Thanh L phải cấp dưỡng hàng tháng cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi chị T khỏi bệnh và có khả năng lao động.

*2. Về con chung:*

Buộc chị Nguyễn Thị T phải giao cháu Phan Nguyễn Phước K, sinh ngày 20/01/2015 cho anh Phan Thanh L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh L; nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con. Anh L không được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*3. Về án phí:*

- Anh Phan Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số No 0004652, ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc anh Phan Thanh L phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng, sung công quỹ Nhà nước.

*4. Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

### Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND thị trấn LT;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Yên**